

HUY HOANG ALUMINUM

SONG HÀNH HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN



NHÔM CHẤT LƯỢNG CAO
HIGH QUALITY ALUMINIUM

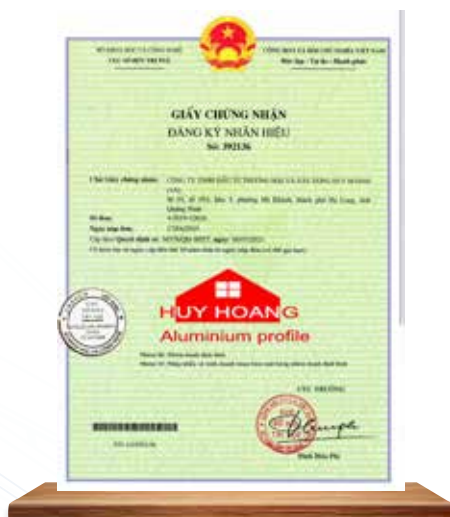
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HUY HOÀNG

Nhà máy SX: Lô CN01, Khu Công Nghiệp Văn Trung, Việt Yên, Bắc Giang

Email: huyhoang168@gmail.com

Hotline. Mr Hà: 0838 611 666 - 0399 599 499

GIẤY CHỨNG NHẬN





Lời giới thiệu

Kính gửi Quý Khách!

Nhà máy nhôm HUY HOÀNG có địa chỉ tại lô CN01 KHU CÔNG NGHIỆP VÂN TRUNG, VIỆT YÊN, BẮC GIANG với tổng diện tích hơn 30.000m². Nhà máy đã trang bị hệ thống thiết bị máy móc hiện đại, tiên tiến nhất được nhập khẩu từ Châu Âu, với công suất trên 20.000 tấn mỗi năm và được đánh giá là nhà máy sản xuất nhôm định hình lớn tại thị trường VIỆT NAM. Quy trình sản xuất nhôm HUY HOÀNG được các kỹ sư nước ngoài vận hành và kiểm tra nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, với mác nhôm 6063T5 nhập khẩu và nước sơn kháng muối biển với độ bền lên đến 20 năm, nhôm HUY HOÀNG là thương hiệu nhãn hiệu độc quyền, uy tín, luôn tạo ra sự khác biệt, đẳng cấp, hiện đại và giải pháp, hiện đang nhận được sự tín nhiệm cao của khách hàng.

Với tôn chỉ "CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM LÀ SỰ SỐNG CÒN CỦA CÔNG TY" nên chúng tôi đã và đang khẳng định được vị thế của mình trên khắp cả nước, thông qua các kênh phân phối trực tiếp và gián tiếp. Với tầm nhìn đưa thương hiệu nhôm HUY HOÀNG trở thành thương hiệu quốc gia, chúng tôi luôn cam kết mang đến những giá trị bền vững, những sản phẩm chất lượng tốt nhất và đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng.

Trân trọng.

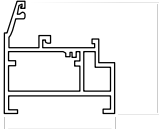
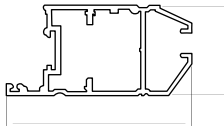
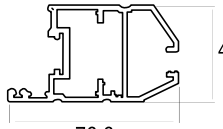
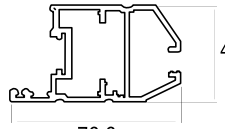
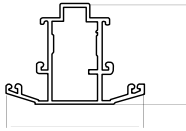
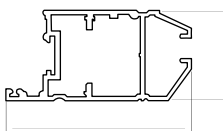
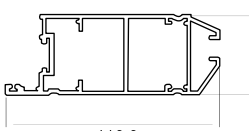
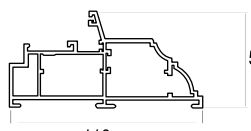
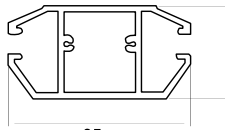
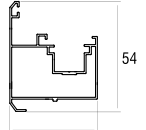
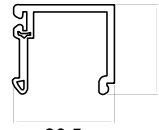
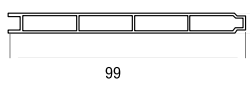
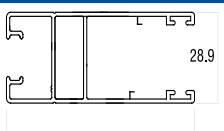
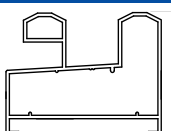
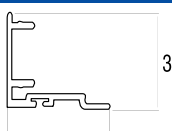
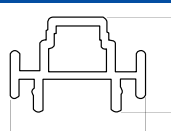
CÔNG TY TNHH NHÔM HUY HOÀNG

Chân thành cảm ơn và mong muốn được hợp tác với Quý vị!





MẶT CẮT KỸ THUẬT NHÔM XF55 VAT

KHUNG BAO CỬA  52 54.8 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-K01</td><td>HH-K01A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.85 ly</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.0 kg/6m (±5%)</td><td>5.0 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-K01	HH-K01A	Độ dày	0.85 ly	1.2 ly	Tỷ trọng	4.0 kg/6m (±5%)	5.0 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA ĐI LIỀN SẬP  42.9 90 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CD02</td><td>HH-CD02B</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.9 ly</td><td>1.1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>5.2 kg/6m (±5%)</td><td>6.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CD02	HH-CD02B	Độ dày	0.9 ly	1.1 ly	Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)	6.1 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA SỔ LIỀN SẬP  42.9 76.6 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CS03</td><td>HH-CS03B</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.9 ly</td><td>1.1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.1 kg/6m (±5%)</td><td>5.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CS03	HH-CS03B	Độ dày	0.9 ly	1.1 ly	Tỷ trọng	4.1 kg/6m (±5%)	5.1 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA SỔ LIỀN SẬP  42.9 76.6 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CS03A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>5.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CS03A	Độ dày	1.1 ly	Tỷ trọng	5.1 kg/6m (±5%)
Mã số	HH-K01	HH-K01A																																		
Độ dày	0.85 ly	1.2 ly																																		
Tỷ trọng	4.0 kg/6m (±5%)	5.0 kg/6m (±5%)																																		
Mã số	HH-CD02	HH-CD02B																																		
Độ dày	0.9 ly	1.1 ly																																		
Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)	6.1 kg/6m (±5%)																																		
Mã số	HH-CS03	HH-CS03B																																		
Độ dày	0.9 ly	1.1 ly																																		
Tỷ trọng	4.1 kg/6m (±5%)	5.1 kg/6m (±5%)																																		
Mã số	HH-CS03A																																			
Độ dày	1.1 ly																																			
Tỷ trọng	5.1 kg/6m (±5%)																																			
ĐỔ T KHUNG BAO  54 74.8 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CK04</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>5.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CK04	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	5.1 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA ĐI LIỀN SẬP  42.9 90 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CD02A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>6.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CD02A	Độ dày	1.1 ly	Tỷ trọng	6.1 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA ĐI  42.9 116.6 Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-8806</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.0 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-8806	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	7.0 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO CỬA ĐI  54.5 110 Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-8801 DA</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>6.4 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-8801 DA	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	6.4 kg/6m (±5%)									
Mã số	HH-CK04																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	5.1 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-CD02A																																			
Độ dày	1.1 ly																																			
Tỷ trọng	6.1 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-8806																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	7.0 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-8801 DA																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	6.4 kg/6m (±5%)																																			
ĐỔ CÁNH CỬA ĐI  42.9 85 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CC05</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>5.2 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CC05	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)	THANH CHUYỂN ĐỘNG  54 43 Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-DD07</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-DD07	Độ dày	1.1 ly	Tỷ trọng	4 kg/6m (±5%)	SẬP VUÔNG KHUNG BAO  23.3 26.5 Quy cách đóng: 18 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-S09</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.37 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-S09	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.37 kg/6m (±5%)	LÁ HỘP  8.3 99 Quy cách đóng: 5 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-P10</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-P10	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)									
Mã số	HH-CC05																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-DD07																																			
Độ dày	1.1 ly																																			
Tỷ trọng	4 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-S09																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	1.37 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-P10																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)																																			
CÁNH CỬA LỬA  28.9 69.8 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CL12</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CL12	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO CỬA LỬA  42.5 55 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-KL11</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.5 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-KL11	Độ dày	1.1 ly	Tỷ trọng	4.5 kg/6m (±5%)	MÓC CÁNH CỬA LỬA  34.1 41.4 Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-ML13</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.67 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-ML13	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.67 kg/6m (±5%)	ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH CỬA LỬA  25.3 33.9 Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-DD14</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.05 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-DD14	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)									
Mã số	HH-CL12																																			
Độ dày	1.2 ly																																			
Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-KL11																																			
Độ dày	1.1 ly																																			
Tỷ trọng	4.5 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-ML13																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	1.67 kg/6m (±5%)																																			
Mã số	HH-DD14																																			
Độ dày	1 ly																																			
Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)																																			



MẶT CẮT KỸ THUẬT NHÔM XF55 VAT

NỐI KHUNG BAO



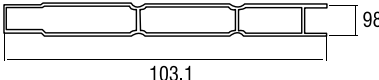
55

8.5

Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	HH IL18
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.5 kg/6m (±5%)

LÁ HỘP CÓ GÂN



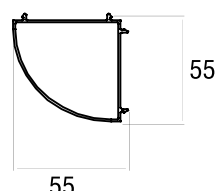
103.1

98

Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	HH - P10A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)

BỂ GÓC 90°



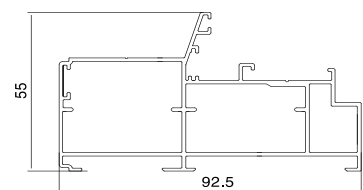
55

55

Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	HH LG17
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.116 kg/6m (±5%)

KHUNG BAO



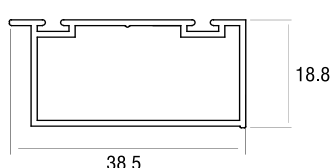
55

92.5

Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	HH K02
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	7.564 kg/6m (±5%)

THANH ĐÁY CỬA ĐI



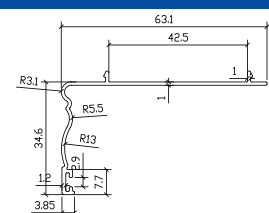
38.5

18.8

Quy cách đóng: 8 thanh/ bó

Mã số	HH - OC08
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.22 kg/6m (±5%)

PHÀO RỜI ỐP NGOÀI



63.1

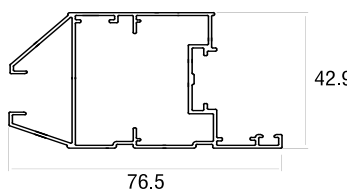
42.5

Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	HH-8831
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	0.8 kg/6m (±5%)

MẶT CẮT KỸ THUẬT NHÔM HỆ W

CÁNH CỬA SỔ



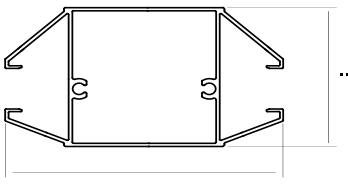
76.5

42.9

Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	HH5 VW165
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.45 kg/6m (±5%)

ĐỒ CHIA CÁNH



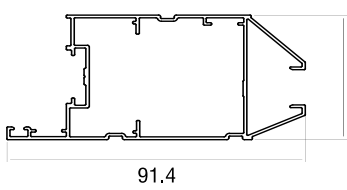
...

...

Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	HH5 VW166
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.0 kg/6m (±5%)

CÁNH CỬA ĐI



91.4

43.1

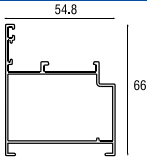
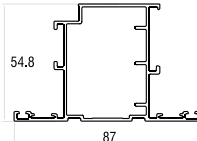
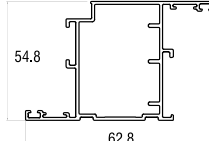
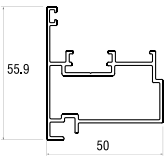
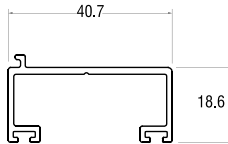
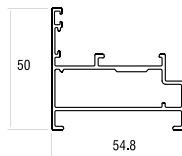
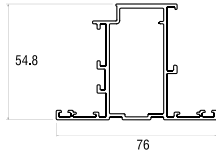
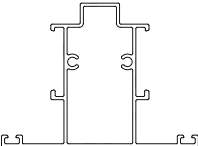
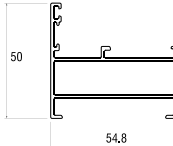
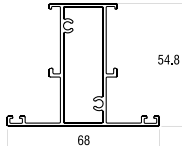
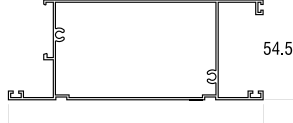
Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	HH5 VW167
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.1 kg/6m (±5%)



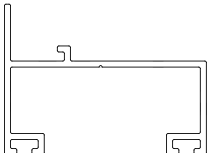
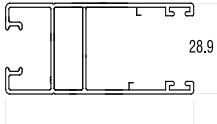
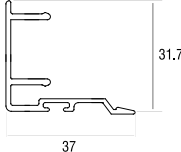
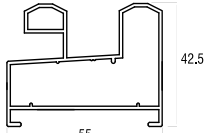
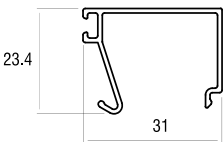
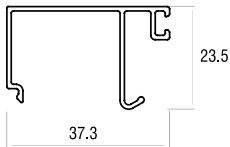
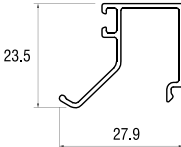
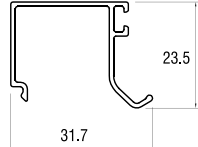
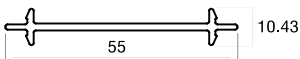
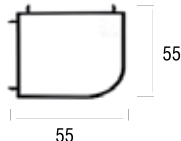
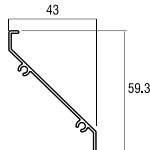
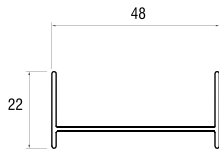


MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI, CỬA SỔ

KHUNG CỬA ĐI XF 3328  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>5.2 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>5.42 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2 ly</td><td>7.18 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.2 ly	5.2 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	5.42 kg/6m (±5%)	Độ dày 2 ly	7.18 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI XF 3303  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>6.5 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>6.72 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2 ly</td><td>8.5 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.2 ly	6.5 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	6.72 kg/6m (±5%)	Độ dày 2 ly	8.5 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG XF 3332  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>6.3 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>6.76 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2 ly</td><td>8.42 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.2 ly	6.3 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	6.76 kg/6m (±5%)	Độ dày 2 ly	8.42 kg/6m (±5%)	THANH NGANG DƯỚI CỬA ĐI XF 3304  Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>8.07 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>9.41 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2 ly</td><td>11.92 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.2 ly	8.07 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	9.41 kg/6m (±5%)	Độ dày 2 ly	11.92 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.2 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	5.42 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2 ly	7.18 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	6.5 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	6.72 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2 ly	8.5 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	6.3 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	6.76 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2 ly	8.42 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	8.07 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	9.41 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2 ly	11.92 kg/6m (±5%)																										
ĐỔ ĐỘNG CÁNH CỬA ĐI XF 2903  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>4.88 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>5.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.2 ly	4.88 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	5.3 kg/6m (±5%)	ỐP CHÂN XFA XF 3329  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>2.37 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.4 ly	2.37 kg/6m (±5%)	KHUNG CỬA SỔ XF 3318  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.0 ly</td><td>4.02 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>4.57 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>5.03 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.0 ly	4.02 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.2 ly	4.57 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	5.03 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA SỔ XF 3202  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.0 ly</td><td>5.08 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>5.72 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>6.23 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.0 ly	5.08 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.2 ly	5.72 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	6.23 kg/6m (±5%)						
Độ dày 1.2 ly	4.88 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	5.3 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	2.37 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.0 ly	4.02 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	4.57 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	5.03 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.0 ly	5.08 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	5.72 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	6.23 kg/6m (±5%)																										
ĐỔ CHIA KHUNG CỬA ĐI T KHUNG XF 3313  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.0 ly</td><td>5.2 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>5.3 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>6.0 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.0 ly	5.2 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.2 ly	5.3 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	6.0 kg/6m (±5%)	KHUNG VÁCH XF 3209  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.0 ly</td><td>4.2 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>4.34 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>4.73 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.0 ly	4.2 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.2 ly	4.34 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	4.73 kg/6m (±5%)	T CHIA VÁCH XF 3203  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày 1.2 ly</td><td>5.02 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>5.6 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày 1.2 ly	5.02 kg/6m (±5%)	Độ dày 1.4 ly	5.6 kg/6m (±5%)	THANH NGANG DƯỚI CỬA ĐI XF 3304A  Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Độ dày</td><td>1.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>8.9 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Độ dày	1.5 ly	Tỷ trọng	8.9 kg/6m (±5%)				
Độ dày 1.0 ly	5.2 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	5.3 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	6.0 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.0 ly	4.2 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	4.34 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	4.73 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.2 ly	5.02 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 1.4 ly	5.6 kg/6m (±5%)																										
Độ dày	1.5 ly																										
Tỷ trọng	8.9 kg/6m (±5%)																										

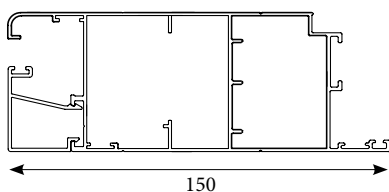


MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI, CỬA SỐ

 Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 3329L</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.388 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 3329L	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	2.388 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA LỬA  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-CL12</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-CL12	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)	MÓC CÁNH LỬA  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>ML13</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.78 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	ML13	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	1.78 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO CỬA LỬA  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-KL11</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.5 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-KL11	Độ dày	1.1 ly	Tỷ trọng	4.5 kg/6m (±5%)
Mã số	XF 3329L																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	2.388 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH-CL12																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)																										
Mã số	ML13																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	1.78 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH-KL11																										
Độ dày	1.1 ly																										
Tỷ trọng	4.5 kg/6m (±5%)																										
SẬP KHUNG  Quy cách đóng: 12 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 3296</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.0 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.41 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 3296	Độ dày	1.0 ly	Tỷ trọng	1.41 kg/6m (±5%)	SẬP CÁNH  Quy cách đóng: 12 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 3295</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.0 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.62 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 3295	Độ dày	1.0 ly	Tỷ trọng	1.62 kg/6m (±5%)	SẬP KHUNG  Quy cách đóng: 12 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 3225</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.0 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.30 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 3225	Độ dày	1.0 ly	Tỷ trọng	1.30 kg/6m (±5%)	SẬP KÍNH HỘP  Quy cách đóng: 12 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 3236</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.0 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.38 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 3236	Độ dày	1.0 ly	Tỷ trọng	1.38 kg/6m (±5%)
Mã số	XF 3296																										
Độ dày	1.0 ly																										
Tỷ trọng	1.41 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 3295																										
Độ dày	1.0 ly																										
Tỷ trọng	1.62 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 3225																										
Độ dày	1.0 ly																										
Tỷ trọng	1.30 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 3236																										
Độ dày	1.0 ly																										
Tỷ trọng	1.38 kg/6m (±5%)																										
NỐI KHUNG  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 3300</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.75 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 3300	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	1.75 kg/6m (±5%)	BỂ GÓC 90°  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 3326</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 3326	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)	LÁ CHỚP TỌ  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>192</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.91 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	192	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	1.91 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO CHỚP  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>1283</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.8 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	1283	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	1.8 kg/6m (±5%)
Mã số	XF 3300																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	1.75 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 3326																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)																										
Mã số	192																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	1.91 kg/6m (±5%)																										
Mã số	1283																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	1.8 kg/6m (±5%)																										

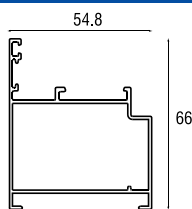


CÁNH ĐI 150



Mã số	HH XF3333
Độ dày	1.6 ly
Tỷ trọng	10.7 kg/6m (±5%)

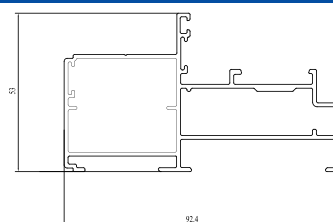
KHUNG CỬA ĐI



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

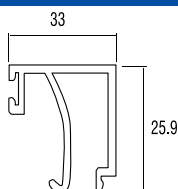
Mã số	HH XF 3328
Độ dày 1.2 ly	5.2 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.42 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	7.18 kg/6m (±5%)

KHUNG HỘP TƯỜNG PHÀO



Mã số	HH XF3335
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	8.2 kg/6m (±5%)

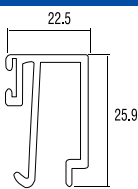
SẬP CÁNH



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TL 04
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.8 kg/6m (±5%)

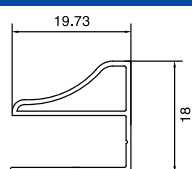
SẬP CÁNH



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TL 05
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.5 kg/6m (±5%)

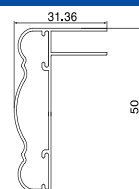
PHÀO U



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	CS04
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	0.955 kg/6m (±5%)

PHÀO NẠP

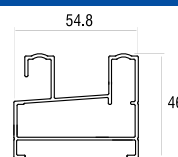


Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	CS05
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	2.329 kg/6m (±5%)

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ CỬA LÙA XF 55

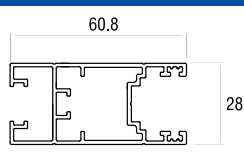
KHUNG BAO LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23151 - 1.2
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	5.088 kg/6m (±5%)

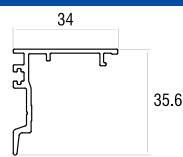
CÁNH LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23156 - 1.2
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	5.064 kg/6m (±5%)

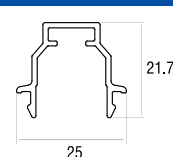
ỐP LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23157
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	2.07 kg/6m (±5%)

ĐỐI ĐẦU LÙA



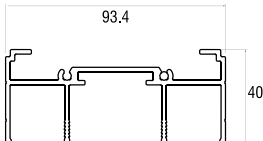
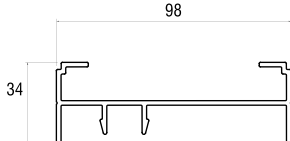
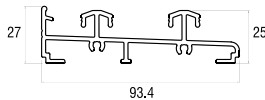
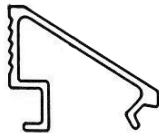
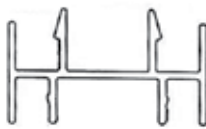
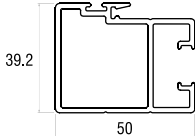
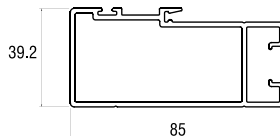
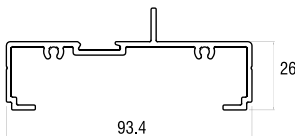
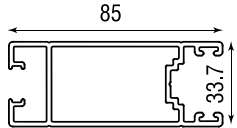
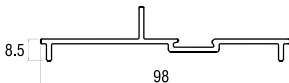
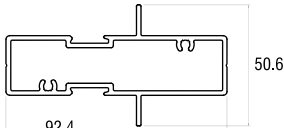
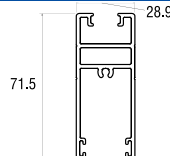
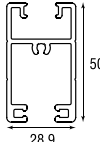
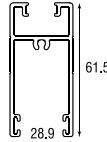
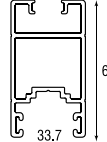
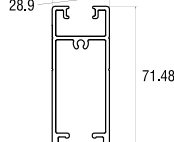
Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23158
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.332 kg/6m (±5%)





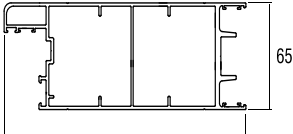
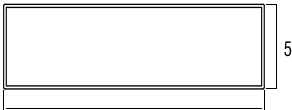
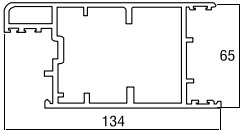
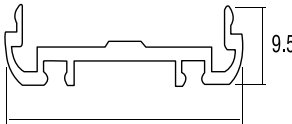
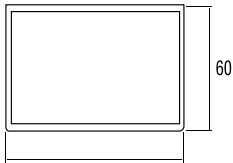
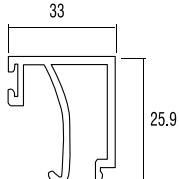
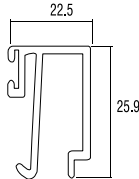
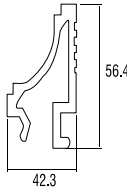
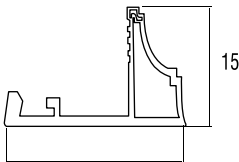
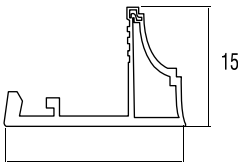
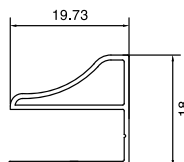
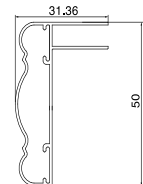
MẶT CẮT KỸ THUẬT NHÔM XF 55 LỬA 93

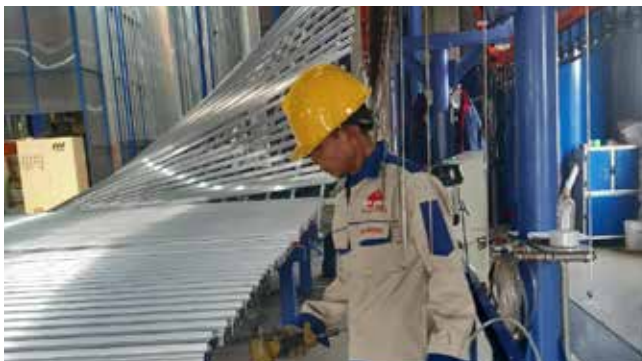
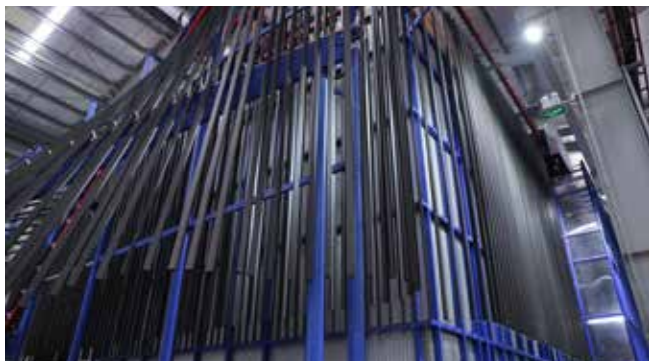
KHUNG BAO NGANG TRÊN  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1541</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>6.8 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1541	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	6.8 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO ĐỨNG  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1543</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>5.5 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1543	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	5.5 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO NGANG DƯỚI  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1941</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1941	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	7.1 kg/6m (±5%)	NỆP KÍNH  Quy cách đóng: 20 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>C 101</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.9 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.798 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	C 101	Độ dày	0.9 ly	Tỷ trọng	0.798 kg/6m (±5%)
Mã số	XF 1541																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	6.8 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1543																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	5.5 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1941																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	7.1 kg/6m (±5%)																										
Mã số	C 101																										
Độ dày	0.9 ly																										
Tỷ trọng	0.798 kg/6m (±5%)																										
NỆP ĐỐI ĐẦU CỬA 4 CÁCH  Quy cách đóng: 8 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>1548A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.688 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	1548A	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	2.688 kg/6m (±5%)	CÁCH ĐỨNG MÓC  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1547</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>4.6 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2.0 ly</td><td>6.316 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1547	Độ dày 1.4 ly	4.6 kg/6m (±5%)	Độ dày 2.0 ly	6.316 kg/6m (±5%)	CÁCH ĐỨNG MÓC TO  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 28127</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>8.576 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 28127	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	8.576 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1559</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>6.178 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1559	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	6.178 kg/6m (±5%)
Mã số	1548A																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	2.688 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1547																										
Độ dày 1.4 ly	4.6 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2.0 ly	6.316 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 28127																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	8.576 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1559																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	6.178 kg/6m (±5%)																										
CÁCH ĐỨNG BÊN  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>D26146</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.7 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.98 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	D26146	Độ dày	1.7 ly	Tỷ trọng	7.98 kg/6m (±5%)	NỐI KHUNG VÁCH KÍNH  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1549</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1549	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	4.1 kg/6m (±5%)	ĐỔ CỐ ĐỊNH CHO VÁCH KÍNH  Quy cách đóng: 3 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 2618</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>6.7 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2.0 ly</td><td>8.809 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 2618	Độ dày 1.4 ly	6.7 kg/6m (±5%)	Độ dày 2.0 ly	8.809 kg/6m (±5%)	CÁCH NGANG DƯỚI BÊN NGOÀI  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1555</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>5.5 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2.0 ly</td><td>7.183 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1555	Độ dày 1.4 ly	5.5 kg/6m (±5%)	Độ dày 2.0 ly	7.183 kg/6m (±5%)
Mã số	D26146																										
Độ dày	1.7 ly																										
Tỷ trọng	7.98 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1549																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	4.1 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 2618																										
Độ dày 1.4 ly	6.7 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2.0 ly	8.809 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1555																										
Độ dày 1.4 ly	5.5 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2.0 ly	7.183 kg/6m (±5%)																										
CÁCH NGANG TRÊN  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1544</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>4.5 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2.0 ly</td><td>5.764 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1544	Độ dày 1.4 ly	4.5 kg/6m (±5%)	Độ dày 2.0 ly	5.764 kg/6m (±5%)	CÁCH NGANG DƯỚI BÊN TRONG  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1545</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>5.790 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1545	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	5.790 kg/6m (±5%)	CÁCH ĐỨNG BÊN  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 1546</td></tr><tr><td>Độ dày 1.4 ly</td><td>6.0 kg/6m (±5%)</td></tr><tr><td>Độ dày 2.0 ly</td><td>7.336 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 1546	Độ dày 1.4 ly	6.0 kg/6m (±5%)	Độ dày 2.0 ly	7.336 kg/6m (±5%)	CÁCH NGANG TRÊN  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>XF 26144</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	XF 26144	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	7.1 kg/6m (±5%)
Mã số	XF 1544																										
Độ dày 1.4 ly	4.5 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2.0 ly	5.764 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1545																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	5.790 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 1546																										
Độ dày 1.4 ly	6.0 kg/6m (±5%)																										
Độ dày 2.0 ly	7.336 kg/6m (±5%)																										
Mã số	XF 26144																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	7.1 kg/6m (±5%)																										





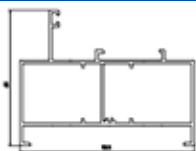
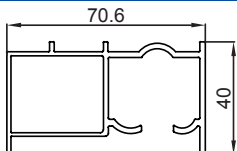
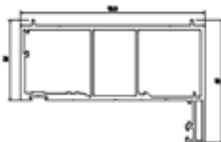
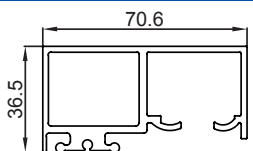
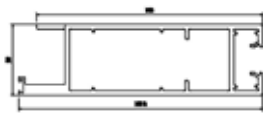
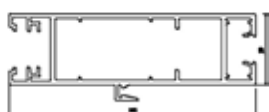
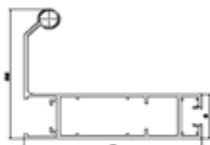
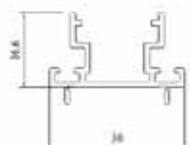
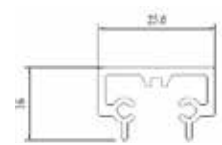
MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ NHÔM THỦY LỰC CAO CẤP

CÁNH THỦY LỰC 180  174 65 Quy cách đóng: 1 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-TL-01C</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.8 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>18 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-TL-01C	Độ dày	1.8 ly	Tỷ trọng	18 kg/6m (±5%)	KHUNG THỦY LỰC 200  200 55 Quy cách đóng: 1 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 03A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.8 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>16 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 03A	Độ dày	1.8 ly	Tỷ trọng	16 kg/6m (±5%)	CÁNH THỦY LỰC  134 65 Quy cách đóng: 1 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 01</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.8 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>14.6 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 01	Độ dày	1.8 ly	Tỷ trọng	14.6 kg/6m (±5%)	ỐP CÁNH  65 9.5 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 02</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.226 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 02	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.226 kg/6m (±5%)
Mã số	HH-TL-01C																										
Độ dày	1.8 ly																										
Tỷ trọng	18 kg/6m (±5%)																										
Mã số	TL 03A																										
Độ dày	1.8 ly																										
Tỷ trọng	16 kg/6m (±5%)																										
Mã số	TL 01																										
Độ dày	1.8 ly																										
Tỷ trọng	14.6 kg/6m (±5%)																										
Mã số	TL 02																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	2.226 kg/6m (±5%)																										
KHUNG BAO  120 60 Quy cách đóng: 1 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 03</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>11.148 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 03	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	11.148 kg/6m (±5%)	SẬP CÁNH  33 25.9 Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 04</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.418 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 04	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.418 kg/6m (±5%)	SẬP CÁNH  22.5 25.9 Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 05</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.142 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 05	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.142 kg/6m (±5%)	SẬP  42.3 56.4 Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 06</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.42 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 06	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	0.42 kg/6m (±5%)
Mã số	TL 03																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	11.148 kg/6m (±5%)																										
Mã số	TL 04																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	2.418 kg/6m (±5%)																										
Mã số	TL 05																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	2.142 kg/6m (±5%)																										
Mã số	TL 06																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	0.42 kg/6m (±5%)																										
ĐỂ SẬP  38 15 Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 07</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.026 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 07	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.026 kg/6m (±5%)	ĐỂ SẬP KÍNH HỘP  42 15 Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>TL 08</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.226 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	TL 08	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.226 kg/6m (±5%)	PHÀO U  19.73 18 Quy cách đóng: 20 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>CS04</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.8 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.955 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	CS04	Độ dày	0.8 ly	Tỷ trọng	0.955 kg/6m (±5%)	PHÀO NẾP  31.36 50 Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>CS05</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.9 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.329 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	CS05	Độ dày	0.9 ly	Tỷ trọng	2.329 kg/6m (±5%)
Mã số	TL 07																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	1.026 kg/6m (±5%)																										
Mã số	TL 08																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	1.226 kg/6m (±5%)																										
Mã số	CS04																										
Độ dày	0.8 ly																										
Tỷ trọng	0.955 kg/6m (±5%)																										
Mã số	CS05																										
Độ dày	0.9 ly																										
Tỷ trọng	2.329 kg/6m (±5%)																										



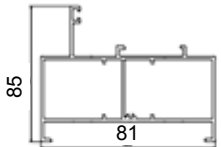
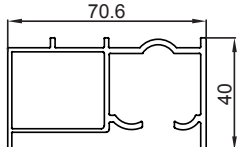
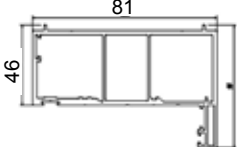
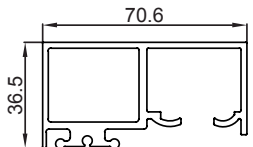
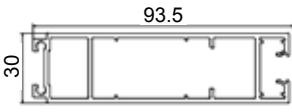
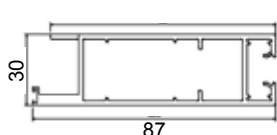
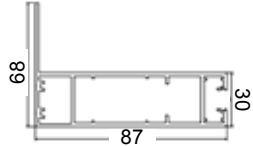
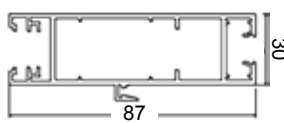
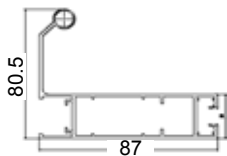
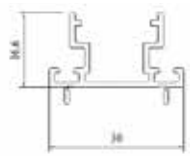
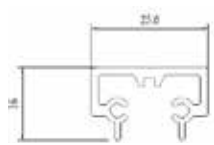


MẮT CẮT KỸ THUẬT HỆ TRƯỢT QUAY

KHUNG BAO CỬA  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8001</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>10.55 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8001	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	10.55 kg/6m (±5%)	RAY CÁCH  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8002</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>8.884 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8002	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	8.884 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO CỬA  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8003</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>9.576 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8003	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	9.576 kg/6m (±5%)	RAY FIX  Quy cách đóng: 03 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8004</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.388 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8004	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	7.388 kg/6m (±5%)
Mã số	HH 8001																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	10.55 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8002																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	8.884 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8003																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	9.576 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8004																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	7.388 kg/6m (±5%)																										
THANH NGANG CÁCH TRÊN  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8005</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>10.624 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8005	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	10.624 kg/6m (±5%)	CÁCH NGANG DƯỚI  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8006</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>9.531 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8006	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	9.531 kg/6m (±5%)	CÁCH ĐỨNG TRONG  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8007</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>11.804 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8007	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	11.804 kg/6m (±5%)	CÁCH MÓC  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8008</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>10.461 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8008	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	10.461 kg/6m (±5%)
Mã số	HH 8005																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	10.624 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8006																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	9.531 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8007																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	11.804 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8008																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	10.461 kg/6m (±5%)																										
CÁCH GIỮA  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8009</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>12.446 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8009	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	12.446 kg/6m (±5%)	HÈM KHÓA 4 CÁCH  Quy cách đóng: 12 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8010</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.3 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.739 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8010	Độ dày	1.3 ly	Tỷ trọng	1.739 kg/6m (±5%)	 Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8011</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.6 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.571 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8011	Độ dày	1.6 ly	Tỷ trọng	0.571 kg/6m (±5%)	 Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8012</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.05 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8012	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)
Mã số	HH 8009																										
Độ dày	2 ly																										
Tỷ trọng	12.446 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8010																										
Độ dày	1.3 ly																										
Tỷ trọng	1.739 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8011																										
Độ dày	1.6 ly																										
Tỷ trọng	0.571 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8012																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)																										



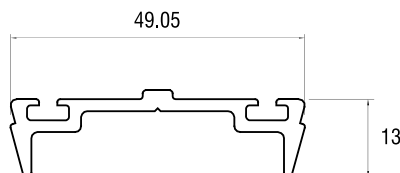
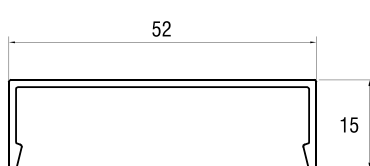
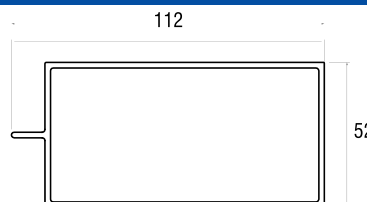
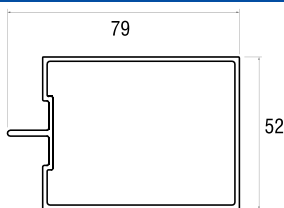
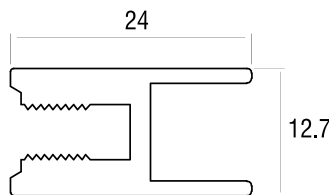
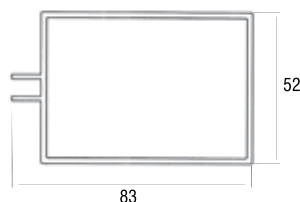
MẮT CẮT KỸ THUẬT HỆ TRƯỢT QUAY

KHUNG BAO CỬA  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8001A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.6 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>11.236 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8001A	Độ dày	1.6 ly	Tỷ trọng	11.236 kg/6m (±5%)	RAY CÁCH  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8002</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>8.884 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8002	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	8.884 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO CỬA  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8003A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>8.709 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8003A	Độ dày	1.5 ly	Tỷ trọng	8.709 kg/6m (±5%)	RAY FIX  Quy cách đóng: 03 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8004</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.388 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8004	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	7.388 kg/6m (±5%)
Mã số	HH 8001A																										
Độ dày	1.6 ly																										
Tỷ trọng	11.236 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8002																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	8.884 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8003A																										
Độ dày	1.5 ly																										
Tỷ trọng	8.709 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8004																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	7.388 kg/6m (±5%)																										
THANH NGANG CÁCH TRÊN  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8005A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>8.275 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8005A	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	8.275 kg/6m (±5%)	CÁCH NGANG DƯỚI  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8006A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.057 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8006A	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	7.057 kg/6m (±5%)	CÁCH ĐỨNG TRONG  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8007A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>9.480 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8007A	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	9.480 kg/6m (±5%)	CÁCH MÓC  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8008A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.938 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8008A	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	7.938 kg/6m (±5%)
Mã số	HH 8005A																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	8.275 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8006A																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	7.057 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8007A																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	9.480 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8008A																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	7.938 kg/6m (±5%)																										
CÁCH GIỮA  Quy cách đóng: 02 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8009A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>10.044 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8009A	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	10.044 kg/6m (±5%)	HÈM KHÓA 4 CÁCH  Quy cách đóng: 12 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8010</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.3 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.739 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8010	Độ dày	1.3 ly	Tỷ trọng	1.739 kg/6m (±5%)	HÈM KHÓA 10 CÁCH  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8011</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.6 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.571 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8011	Độ dày	1.6 ly	Tỷ trọng	0.571 kg/6m (±5%)	HÈM KHÓA 10 CÁCH  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH 8012</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.05 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH 8012	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)
Mã số	HH 8009A																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	10.044 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8010																										
Độ dày	1.3 ly																										
Tỷ trọng	1.739 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8011																										
Độ dày	1.6 ly																										
Tỷ trọng	0.571 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH 8012																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)																										

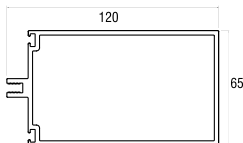
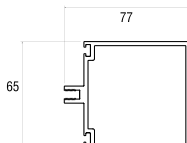
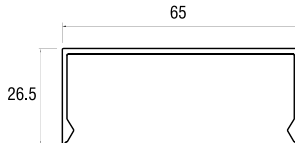
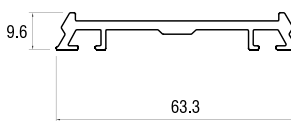




MẶT CẮT KỸ THUẬT MẶT DỰNG 52

ĐẾ ỐP MẶT NGOÀI  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 5201</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.888 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 5201	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	2.888 kg/6m (±5%)	NẮP ĐẬY BÊN NGOÀI  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 5202</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.623 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 5202	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	1.623 kg/6m (±5%)	THANH ĐỐ ĐỨNG  Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 5212</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>10.026 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 5212	Độ dày	2 ly	Tỷ trọng	10.026 kg/6m (±5%)
Mã số	MD - 5201																			
Độ dày	2 ly																			
Tỷ trọng	2.888 kg/6m (±5%)																			
Mã số	MD - 5202																			
Độ dày	1.2 ly																			
Tỷ trọng	1.623 kg/6m (±5%)																			
Mã số	MD - 5212																			
Độ dày	2 ly																			
Tỷ trọng	10.026 kg/6m (±5%)																			
THANH ĐỐ ĐỨNG  Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 5213</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>6.216 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 5213	Độ dày	1.5 ly	Tỷ trọng	6.216 kg/6m (±5%)	...  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 5215</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.079 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 5215	Độ dày	1.5 ly	Tỷ trọng	2.079 kg/6m (±5%)	THANH ĐỐ ĐỨNG  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 5273M20</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.9 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.974 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 5273M20	Độ dày	1.9 ly	Tỷ trọng	7.974 kg/6m (±5%)
Mã số	MD - 5213																			
Độ dày	1.5 ly																			
Tỷ trọng	6.216 kg/6m (±5%)																			
Mã số	MD - 5215																			
Độ dày	1.5 ly																			
Tỷ trọng	2.079 kg/6m (±5%)																			
Mã số	MD - 5273M20																			
Độ dày	1.9 ly																			
Tỷ trọng	7.974 kg/6m (±5%)																			

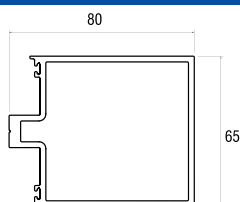
MẶT CẮT KỸ THUẬT MẶT DỰNG 65

THANH ĐỐ ĐỨNG  Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 6501</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>15.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 6501	Độ dày	2.5 ly	Tỷ trọng	15.3 kg/6m (±5%)	THANH ĐỐ ĐỨNG  Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 6502</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>11.712 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 6502	Độ dày	2.5 ly	Tỷ trọng	11.712 kg/6m (±5%)	NẮP ĐẬY BÊN NGOÀI 65  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 6503</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.82 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 6503	Độ dày	1.5 ly	Tỷ trọng	2.82 kg/6m (±5%)	ĐẾ ỐP MẶT NGOÀI 65  Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>MD - 6504</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.324 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	MD - 6504	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	3.324 kg/6m (±5%)
Mã số	MD - 6501																										
Độ dày	2.5 ly																										
Tỷ trọng	15.3 kg/6m (±5%)																										
Mã số	MD - 6502																										
Độ dày	2.5 ly																										
Tỷ trọng	11.712 kg/6m (±5%)																										
Mã số	MD - 6503																										
Độ dày	1.5 ly																										
Tỷ trọng	2.82 kg/6m (±5%)																										
Mã số	MD - 6504																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	3.324 kg/6m (±5%)																										



MẶT CẮT KỸ THUẬT MẶT DỰNG 65

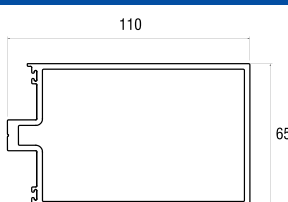
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	MD - 6508
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	12.186 kg/6m (±5%)

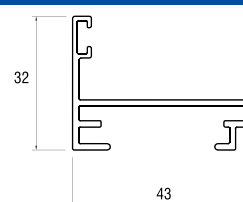
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	MD - 6511
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	14.628 kg/6m (±5%)

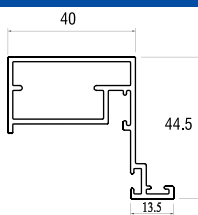
KHUNG



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	MD - 6004
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.664 kg/6m (±5%)

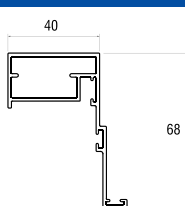
CÁNH LỘ ĐỔ



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - 6005
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	4.578 kg/6m (±5%)

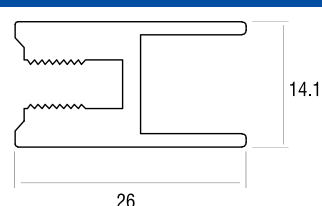
CÁNH DẤU ĐỔ



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - 6007
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	5.154 kg/6m (±5%)

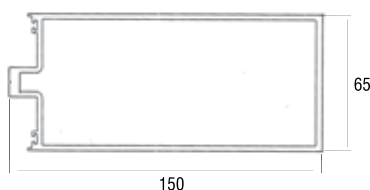
....



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - 6515
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.426 kg/6m (±5%)

THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - GK 513
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	18.300 kg/6m (±5%)

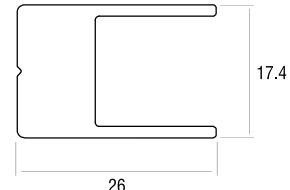
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - GK 561
Độ dày	3 ly
Tỷ trọng	24.701 kg/6m (±5%)

.....



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD-GK 601
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	3.633 kg/6m (±5%)

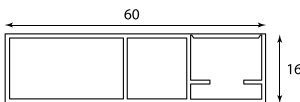
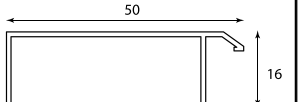
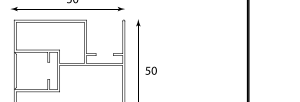
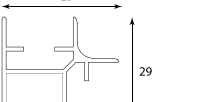
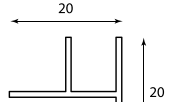
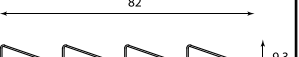
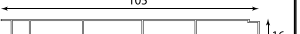
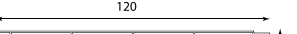
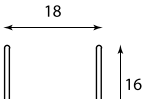
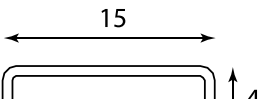
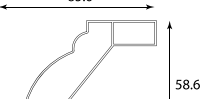
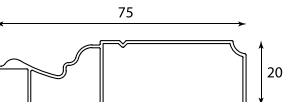
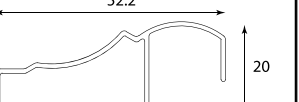
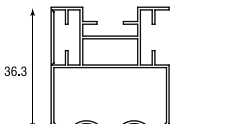


NHÔM TỦ NỘI THẤT CAO CẤP





NHÔM TỦ NỘI THẤT CAO CẤP

KHUNG BAO NGANG  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 001</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.0 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 001	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	3.0 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO TIẾT KIỆM  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 002</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 002	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO ĐỪNG TRƯỚC TÔ  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 003</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.7 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 003	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	4.7 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO ĐỪNG NHỎ  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 031</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.9 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 031	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.9 kg/6m (±5%)
Mã số	DH 001																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	3.0 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 002																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 003																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	4.7 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 031																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	1.9 kg/6m (±5%)																										
CHUYỂN GÓC BẮT VÍT  Quy cách đóng: 20 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 020</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.85 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 020	Độ dày	0.85 ly	Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)	LÁ CHỚP  Quy cách đóng: 5 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 013</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.6 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 013	Độ dày	0.5 ly	Tỷ trọng	2.6 kg/6m (±5%)	LÁ HỘP 105  Quy cách đóng: 5 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 105</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.7 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.9 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 105	Độ dày	0.7 ly	Tỷ trọng	3.9 kg/6m (±5%)	LÁ HỘP 120  Quy cách đóng: 5 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 120X7</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.6 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.8 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 120X7	Độ dày	0.6 ly	Tỷ trọng	2.8 kg/6m (±5%)
Mã số	DH 020																										
Độ dày	0.85 ly																										
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 013																										
Độ dày	0.5 ly																										
Tỷ trọng	2.6 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 105																										
Độ dày	0.7 ly																										
Tỷ trọng	3.9 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 120X7																										
Độ dày	0.6 ly																										
Tỷ trọng	2.8 kg/6m (±5%)																										
BẮT CHIA Ô VÁCH  Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 030</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.35 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 030	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.35 kg/6m (±5%)	U BỊT CHIA ĐỘT  Quy cách đóng: 30 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 011</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.9 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.8 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 011	Độ dày	0.9 ly	Tỷ trọng	0.8 kg/6m (±5%)	NAN TRANG TRÍ  Quy cách đóng: 50 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 033</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.7 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.42 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 033	Độ dày	0.7 ly	Tỷ trọng	0.42 kg/6m (±5%)	PHÀO NÓC TỦ  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 035</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.9 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 035	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	4.9 kg/6m (±5%)
Mã số	DH 030																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	1.35 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 011																										
Độ dày	0.9 ly																										
Tỷ trọng	0.8 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 033																										
Độ dày	0.7 ly																										
Tỷ trọng	0.42 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 035																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	4.9 kg/6m (±5%)																										
CÂY CẢNH TÔ  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 042</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.85 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.2 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 042	Độ dày	0.85 ly	Tỷ trọng	3.2 kg/6m (±5%)	PHÀO BƠ  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 032</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.01 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 032	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.01 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO ĐỪNG TRƯỚC NHỎ  Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>DH 1712</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.8 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.11 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	DH 1712	Độ dày	0.8 ly	Tỷ trọng	3.11 kg/6m (±5%)							
Mã số	DH 042																										
Độ dày	0.85 ly																										
Tỷ trọng	3.2 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 032																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	2.01 kg/6m (±5%)																										
Mã số	DH 1712																										
Độ dày	0.8 ly																										
Tỷ trọng	3.11 kg/6m (±5%)																										



HỆ NHÔM CHẮN SONG CỬA SỔ





HỆ NHÔM CHẮN SONG CỬA SỔ

KHUNG CHÍNH Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - CS01</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.564 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - CS01	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	7.564 kg/6m (±5%)	HỘP NỐI KHUNG Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - CS08</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.148 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - CS08	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	7.148 kg/6m (±5%)	HỘP CHIA VÁCH Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - CS09</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.028 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - CS09	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	3.028 kg/6m (±5%)	PHÀO U Quy cách đóng: 20 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - CS04</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.8 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>0.955 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - CS04	Độ dày	0.8 ly	Tỷ trọng	0.955 kg/6m (±5%)
Mã số	HH - CS01																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	7.564 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - CS08																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	7.148 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - CS09																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	3.028 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - CS04																										
Độ dày	0.8 ly																										
Tỷ trọng	0.955 kg/6m (±5%)																										
PHÀO NẾP Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - CS05</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>0.9 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.329 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - CS05	Độ dày	0.9 ly	Tỷ trọng	2.329 kg/6m (±5%)	NỐI VÁCH Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - CS06</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.2 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>7.204 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - CS06	Độ dày	1.2 ly	Tỷ trọng	7.204 kg/6m (±5%)	THANH CHẮN SONG Quy cách đóng: 10 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - CS07</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.5 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.021 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - CS07	Độ dày	1.5 ly	Tỷ trọng	2.021 kg/6m (±5%)	HỘP TRANG TRÍ 30 X 50 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>30X50</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.5 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	30X50	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	3.5 kg/6m (±5%)
Mã số	HH - CS05																										
Độ dày	0.9 ly																										
Tỷ trọng	2.329 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - CS06																										
Độ dày	1.2 ly																										
Tỷ trọng	7.204 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - CS07																										
Độ dày	1.5 ly																										
Tỷ trọng	2.021 kg/6m (±5%)																										
Mã số	30X50																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	3.5 kg/6m (±5%)																										
HỘP TRANG TRÍ 40 X 80 Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>40 X 80</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>5.32 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	40 X 80	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	5.32 kg/6m (±5%)	HỘP TRANG TRÍ 50 X 50 Quy cách đóng: 4 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>50 X 50</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.41 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	50 X 50	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	4.41 kg/6m (±5%)	HỘP TRANG TRÍ 50 X 100 Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>50 X 100</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1.4 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>6.7 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	50 X 100	Độ dày	1.4 ly	Tỷ trọng	6.7 kg/6m (±5%)	HỘP TRANG TRÍ 60 X 120 Quy cách đóng: 2 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>60 X 120</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>2.0 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>11.4 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	60 X 120	Độ dày	2.0 ly	Tỷ trọng	11.4 kg/6m (±5%)
Mã số	40 X 80																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	5.32 kg/6m (±5%)																										
Mã số	50 X 50																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	4.41 kg/6m (±5%)																										
Mã số	50 X 100																										
Độ dày	1.4 ly																										
Tỷ trọng	6.7 kg/6m (±5%)																										
Mã số	60 X 120																										
Độ dày	2.0 ly																										
Tỷ trọng	11.4 kg/6m (±5%)																										



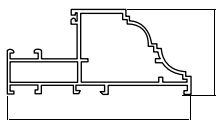
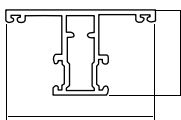
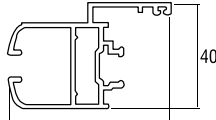
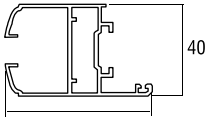
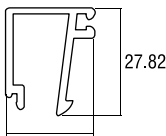
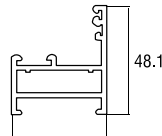
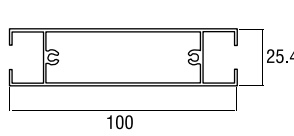
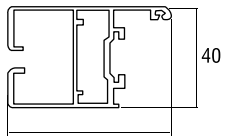
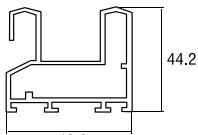
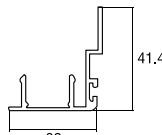
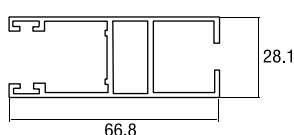
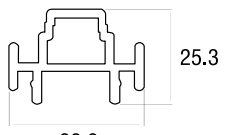
NHÔM HỆ VIỆT PHÁP





NHÔM HỆ VIỆT PHÁP

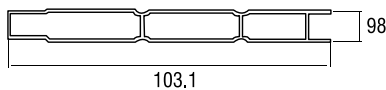
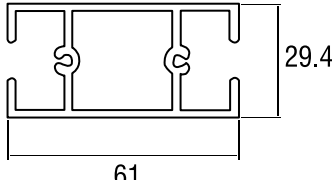
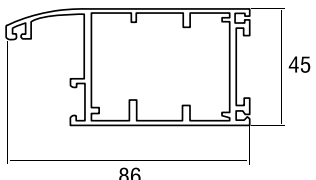
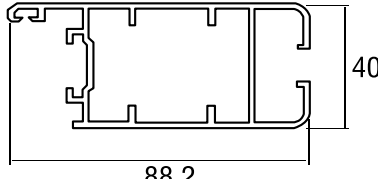
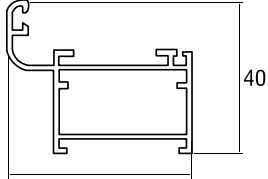
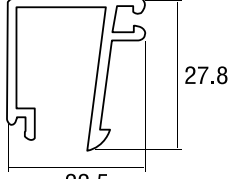
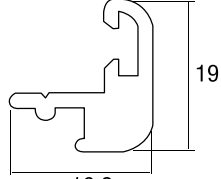
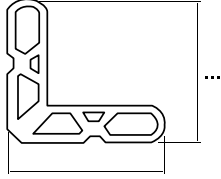
Hệ nhôm định hình nhôm nhóm 4400

KHUNG BAO HÈM  99.7645.45 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - F4420A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.9 - 5.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - F4420A	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	4.9 - 5.3 kg/6m (±5%)	T44  7040 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - F4405</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.4 - 3.6 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - F4405	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	3.4 - 3.6 kg/6m (±5%)	CÁNH HÈM  73.840 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - F4482A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.9 - 4.0 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - F4482A	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	3.9 - 4.0 kg/6m (±5%)	CÁNH HÈM  44.640 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 4410V</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.3 - 3.5 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 4410V	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	3.3 - 3.5 kg/6m (±5%)
Mã số	HH - F4420A																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	4.9 - 5.3 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - F4405																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	3.4 - 3.6 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - F4482A																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	3.9 - 4.0 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - 4410V																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	3.3 - 3.5 kg/6m (±5%)																										
SẬP TO  22.527.82 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 5016</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 5016	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO CÓ CHÂN  4048.1 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 4402A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.6 - 2.8 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 4402A	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.6 - 2.8 kg/6m (±5%)	THANH NGANG NHỎ  10025.4 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 7054</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.2 - 3.6 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 7054	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	3.2 - 3.6 kg/6m (±5%)	CÁNH HÈM  6440 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 4410C</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.47 - 3.9 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 4410C	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	3.47 - 3.9 kg/6m (±5%)
Mã số	HH - 5016																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - 4402A																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	2.6 - 2.8 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - 7054																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	3.2 - 3.6 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - 4410C																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	3.47 - 3.9 kg/6m (±5%)																										
KHUNG CỬA LỬA  48.244.2 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 4821</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>... ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.5 - 3.6 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 4821	Độ dày	... ly	Tỷ trọng	3.5 - 3.6 kg/6m (±5%)	MÓC CỬA LỬA  3241.4 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 4822</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>... ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.46 - 1.6 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 4822	Độ dày	... ly	Tỷ trọng	1.46 - 1.6 kg/6m (±5%)	CÁNH CỬA LỬA  66.828.1 Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH - 4824</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>... ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.1 - 3.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH - 4824	Độ dày	... ly	Tỷ trọng	3.1 - 3.3 kg/6m (±5%)	ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH CỬA LỬA  33.925.3 Quy cách đóng: 6 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-DD14</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.05 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-DD14	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)
Mã số	HH - 4821																										
Độ dày	... ly																										
Tỷ trọng	3.5 - 3.6 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - 4822																										
Độ dày	... ly																										
Tỷ trọng	1.46 - 1.6 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH - 4824																										
Độ dày	... ly																										
Tỷ trọng	3.1 - 3.3 kg/6m (±5%)																										
Mã số	HH-DD14																										
Độ dày	1 ly																										
Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)																										



NHÔM HỆ VIỆT PHÁP

Hệ nhôm định hình nhôm nhóm 450 (Hệ cửa đi cánh lớn)

LÁ HỘP  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-4432</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-4432	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)	THANH GIỮA BẢN NHỎ  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-2656A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>... ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>3.5 - 3.7 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-2656A	Độ dày	... ly	Tỷ trọng	3.5 - 3.7 kg/6m (±5%)	CÁNH LỚN  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-4451</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.5 - 4.8 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-4451	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	4.5 - 4.8 kg/6m (±5%)
Mã số	HH-4432																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)																			
Mã số	HH-2656A																			
Độ dày	... ly																			
Tỷ trọng	3.5 - 3.7 kg/6m (±5%)																			
Mã số	HH-4451																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	4.5 - 4.8 kg/6m (±5%)																			
CÁNH LỚN  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-4451A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>4.2 - 4.5 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-4451A	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	4.2 - 4.5 kg/6m (±5%)	KHUNG BAO HÈM  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-450A</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.8 - 3.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-450A	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.8 - 3.1 kg/6m (±5%)	SẬP  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-5016</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-5016	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)
Mã số	HH-4451A																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	4.2 - 4.5 kg/6m (±5%)																			
Mã số	HH-450A																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	2.8 - 3.1 kg/6m (±5%)																			
Mã số	HH-5016																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)																			
HÈM  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-4504</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>1.0 - 1.19 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-4504	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	1.0 - 1.19 kg/6m (±5%)	KE GÓC  Quy cách đóng: ... thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-4500</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>6.0 - 7.0 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-4500	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	6.0 - 7.0 kg/6m (±5%)	LÁ HỘP  Quy cách đóng: 5 thanh/ bó <table><tr><td>Mã số</td><td>HH-P10</td></tr><tr><td>Độ dày</td><td>1 ly</td></tr><tr><td>Tỷ trọng</td><td>2.1 kg/6m (±5%)</td></tr></table>	Mã số	HH-P10	Độ dày	1 ly	Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)
Mã số	HH-4504																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	1.0 - 1.19 kg/6m (±5%)																			
Mã số	HH-4500																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	6.0 - 7.0 kg/6m (±5%)																			
Mã số	HH-P10																			
Độ dày	1 ly																			
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)																			



HUY HOANG G
Aluminium profile



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HUY HOÀNG

Nhà máy SX: Lô CN01, Khu Công Nghiệp Vân Trung, Việt Yên, Bắc Giang

Email: huyhoang168@gmail.com

Hotline. Mr Hạ: 0838 611 666 - 0399 599 499